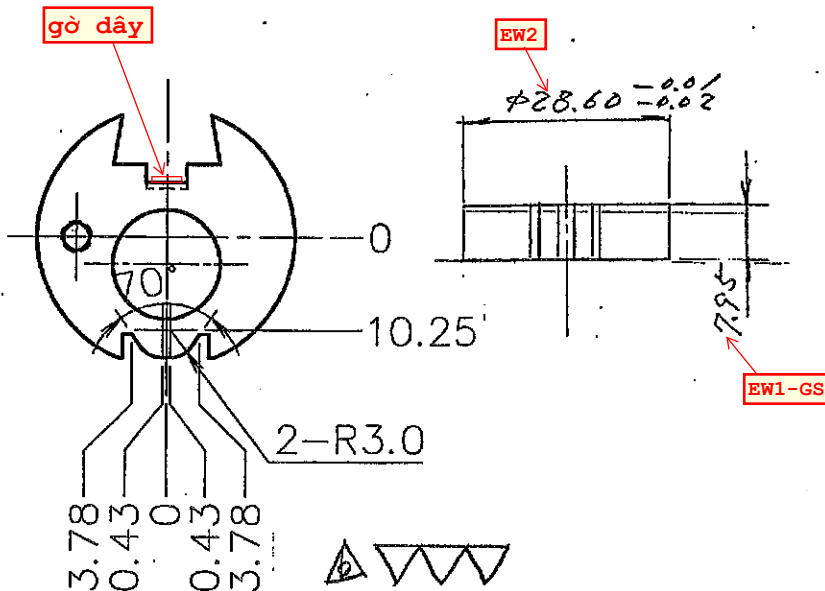
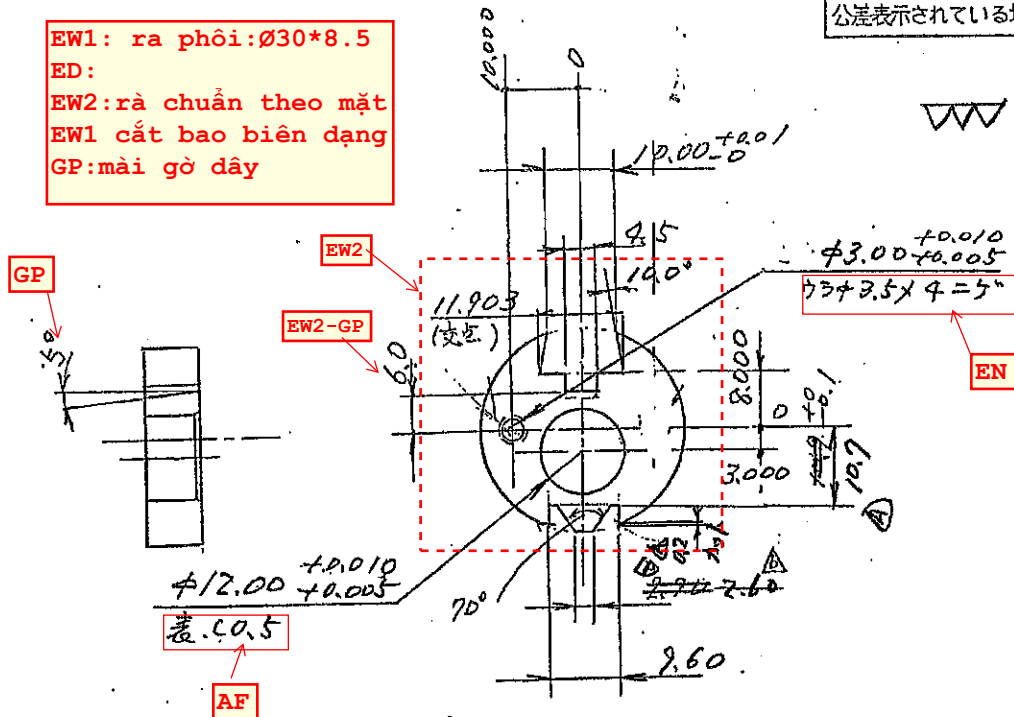


訂正	日	記	事	担当	加工公差表示			
A	01.04.16		主修	元	0.000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△	12.12.16		主修、防止関係、SM新番	彭	0.000	±0.005	0.000 -0	+0 -0.005
					0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
					0.0	±0.1	0.00 -0	+0 -0.01
					0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
							0.0 -0	+0 -0
					公差表示されている場合は、それを優先する			

EW1: ra phôi:Ø30*8.5
ED:
EW2:rà chuẩn theo mặt
EW1 cắt bao biên dạng
GP:mài gờ dây



磁石擋彎曲下模

部 品 名		材 質		数 量		設 備 名 称	
マグネシウムダイ		WC(θ30/HIP)		1		マグネシウム-7穴抜き型	
熱 処 理		表 面 処 理		検 閲		設 計	
焼入 焼戻 HRC				7.5 2.5		製 図	
						日 付	
						共通部品番号	
						1-062	
R 度		第三 角法		図面 番号		訂正Rev	
1/1				71122-03811-00-1-062-AA		Ab	

Tg x 34 x 34.

マブチモーター株式会社

SNO: **S879805**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø30*9	EW1:40 ED:30 EW2:200 GS:30 GP:60 EN:30 AF:10 KT